

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 04 năm 2023

V/v công bố thông tin

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý II niên độ 2022-2023 (kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/03/2023):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
 - Công văn số 107/KT ngày 19/04/2023 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM
YÊN BÁI
TP. YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI
MS0015200116441
Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~207~~/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 04 năm 2023

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý II niên độ 2022-2023 (từ ngày 01/01 đến 31/03/2023) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 35.333.865.214 đồng
này niên độ 2022-2023
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 20.573.106.009 đồng
này niên độ 2021-2022
- Chênh lệch tăng : 72%

Nguyên nhân:

- Việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm của Công ty tương đối ổn định, đồng thời quý II niên độ (từ 01/01-31/03/2023) cũng thời điểm cao trong SXKD mặt hàng Tinh bột sắn (sản xuất từ tháng 10 năm trước và kết thúc vào tháng 3 năm sau).

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 87%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ II NIÊN ĐỘ 2022-2023

Kính gửi:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		269.357.412.097	188.515.183.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.515.875.663	153.562.737.459
1. Tiền	111		15.015.875.663	26.362.737.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.500.000.000	127.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.683.209.729	17.568.182.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26.912.437.571	16.287.678.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.088.631.500	245.258.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.687.798.208	1.040.903.322
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		129.922.924.587	17.146.104.503
1. Hàng tồn kho	141	V.6	129.922.924.587	17.146.104.503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.235.402.118	238.158.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	648.234.135	145.494.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		587.167.983	92.663.877
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.835.268.182	44.505.340.905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

11/27/14 7:00:15

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.135.283.889	38.021.917.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.135.283.889	38.021.917.787
- Nguyên giá	222		180.049.221.875	177.076.240.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(144.913.937.986)	(139.054.323.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.318.196.588	3.411.653.220
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.318.196.588	3.411.653.220
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	1.381.787.705	3.071.769.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.381.787.705	3.071.769.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

11
VC
PI
J
O
I
C
N
BÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		311.192.680.279	233.020.523.972
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		72.267.250.055	38.826.273.140
I. Nợ ngắn hạn	310		72.240.400.055	38.799.423.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	10.722.521.173	6.827.112.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	16.901.887.409	684.844.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.625.454.540	12.363.714.140
4. Phải trả người lao động	314		12.039.248.781	4.785.847.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.946.132.425	688.097.362
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	5.378.208.766	6.147.877.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.493.911.115	5.983.221.494
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.133.035.846	1.318.707.382
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu năm (01/10/2022)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.925.430.224	194.194.250.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	238.925.430.224	194.194.250.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.002.773.233	9.187.651.245
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.059.916.320	106.143.858.916
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.723.708.464	93.452.288
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.336.207.856	106.050.406.628
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		311.192.680.279	233.020.523.972

Người lập biểu

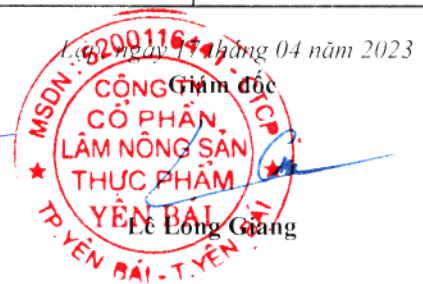


Luong Quốc Quyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý II niên độ 2022-2023 (từ 01/10-31/03/2023)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II NIÊN ĐỘ 2022-2023		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/01-31/3/2023)	Năm trước (01/01-31/3/2022)	Năm nay (01/10-31/3/2023)	Năm trước (01/10-31/3/2022)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	185.560.244.006	98.722.103.445	343.673.480.932	264.020.683.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		526.214.700	0	526.214.700	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	185.034.029.306	98.722.103.445	343.147.266.232	264.020.683.592
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	127.568.460.582	63.989.820.459	247.309.780.040	195.729.935.438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		57.465.568.724	34.732.282.986	95.837.486.192	68.290.748.154
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.176.882.856	579.688.701	2.433.968.265	1.402.433.460
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	209.542.898	479.781.665	512.520.669	635.164.674
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.627.408	472.977.850	98.627.408	474.868.250
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.141.512.778	4.290.964.021	19.348.364.200	9.668.855.019
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.119.556.148	5.764.450.378	14.188.045.340	12.326.875.646
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.171.839.756	24.776.775.623	64.222.524.248	47.062.286.275
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	54.900.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.158.626	8.056.522	50.158.626	535.089.505
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.158.626)	(8.056.522)	(50.158.626)	(480.189.505)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.167.681.130	24.768.719.101	64.172.365.622	46.582.096.770
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.833.815.916	4.195.613.092	8.836.157.766	9.102.665.185
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		35.333.865.214	20.573.106.009	55.336.207.856	37.479.431.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	4.499	3.953	7.046	6.657

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

Lập ngày 17 tháng 04 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý II niên độ 2022-2023 (từ 01/10-31/03/2023)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/03/2023)	Năm trước (01/10-31/03/2022)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.172.365.622	46.582.096.770
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.371.610.546	6.510.962.934
- Các khoản dự phòng	03		5.510.689.621	10.633.861.353
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		352.025.618	4.758.565
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.921.447.596	(537.054.170)
- Chi phí lãi vay	06		98.627.408	474.868.250
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78.426.766.411	63.669.493.702
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.732.021.680)	(13.335.160.861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(112.776.820.084)	(178.506.027.018)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.885.627.546	16.473.942.145
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.187.242.598	662.962.465
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(98.627.408)	(434.316.401)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.822.007.993)	(7.960.114.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.609.200.000)	(1.971.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.539.040.610)	(121.400.480.827)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.130.277.768)	(1.135.220.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(7.000.000.000)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/03/2023)	Năm trước (01/10-31/03/2022)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.633.694.016	689.291.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.496.583.752)	(7.445.928.281)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	98.445.580.869
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(29.836.983.648)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	68.608.597.221
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(45.035.624.362)	(60.237.811.887)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		153.562.737.459	78.943.429.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.237.434)	(7.574.095)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		108.515.875.663	18.698.043.584

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

11/1/2023 10:41:41

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xây ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2023: NH Bidv: 23.315 VND/USD; NH Techcombank: 23.298 VND/USD; NH Vietinbank: 23.260 VND/USD; NH Vietcombank: 23.290 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		1.314.631.966	1.083.372.311		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		13.701.243.697	25.279.365.148		
Các khoản tương đương tiền		93.500.000.000	127.200.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
		108.515.875.663	153.562.737.459		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ (31/03)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0	0
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		11.032.003.548	6.922.387.933		
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD		361.920.312	3.132.353.593		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		5.150.181.577	1.654.484.915		
Công ty TNHH Giấy Nhân Thành		851.022.014	1.397.605.004		
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		693.871.672	1.028.155.312		
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An		963.868.500	0		
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Thịnh Hà Giang		1.835.401.000	0		
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng		868.074.928	13.734.324		
Công ty HUEI TAI TRADING CO.		111.598.689	2.137.529		
Công ty TNHH Việt Phát		1.970.433.886	183.759.872		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		1.094.585.414	0		
Công ty TNHH Sản xuất Đông Chân		490.886.220	418.469.624		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		1.173.948.760	0		
Các khách hàng khác		314.641.051	1.534.590.310		
Cộng		26.912.437.571	16.287.678.416		
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		0	34.230.000		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		0	10.000.000		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		0	113.620.000		
Công ty TNHH Đại Lục		866.400.000	0		
Chi nhánh công ty cổ phần EJC tại Yên Bái		75.000.000	0		
Các nhà cung cấp khác		72.231.500	12.408.500		
Cộng		1.088.631.500	245.258.500		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/03)		Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tạm ứng	1.424.180.049		473.844.260		
Lãi tiền gửi dự thu	200.366.711		515.731.643		
Thuế TNCN phải thu	45.511.620		27.035.382		

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.739.828		24.292.037	
Cộng	1.687.798.208		1.040.903.322	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Nợ phải thu, cho vay ngắn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)			-
Trích lập dự phòng bổ sung				-
Giảm do thu hồi được nợ		-		-
Số cuối kỳ		-		(5.657.550)
7. Hàng tồn kho		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	8.313.746.638		11.649.761.291	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	1.807.317.882		2.500.844.390	
Thành phẩm;	116.592.603.849	-	2.995.498.822	
Hàng gửi đi bán;	3.209.256.218		0	
Cộng	129.922.924.587	-	17.146.104.503	-
8. Chi phí trả trước ngắn hạn			Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền chi phí cắt cùi nhà máy sản Văn Yên			0	98.143.500
Tiền sửa chữa NM Yên Hợp			299.045.166	0
Công cụ dụng cụ			349.188.969	47.351.040
Cộng			648.234.135	145.494.540
9. Chi phí trả trước dài hạn			Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí máy photo copy và bảo hiểm xe			65.790.000	91.734.655
- Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình			0	26.438.370
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình			49.414.594	148.253.178
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh			70.914.217	209.566.388
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp			72.225.740	132.445.180
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân			23.636.339	39.393.912
- Công cụ dụng cụ tại NM sản Văn Yên			0	14.208.217
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên			29.030.458	121.380.578
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM			121.911.813	365.735.454
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản			0	34.736.500
- Chi phí cải tạo hồ Biogas C2 tại NM sản Văn Yên			674.871.174	1.349.742.338
- Chi phí sửa chữa bể xử lý nước thải tại NM giấy Yên Bình			129.179.369	258.358.744
- Chi phí sửa chữa cải tạo máy xeo dây 1 tại NM giấy Yên Bình			115.268.539	230.533.957
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Văn Chân			29.545.462	49.242.427
Cộng			1.381.787.705	3.071.769.898
10. Phải thu dài hạn khác		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuê của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
			truyền dẫn	đến				
Nguyên giá								
Số đầu năm	70.880.231.201	98.628.774.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036			177.076.240.922
Tăng trong kỳ	3.179.418.648	305.558.000	0	0	0			3.484.976.648
- <i>Do mua sắm mới</i>		305.558.000						305.558.000
- <i>Do XDCB hoàn thành</i>	3.179.418.648							0
Giảm trong kỳ	(511.995.695)	0	0	0	0			3.179.418.648
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC								(511.995.695)
- Thanh lý, nhượng bán	(511.995.695)							
Số cuối kỳ	73.547.654.154	98.934.332.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036			(511.995.695)
<i>Trong đó:</i>								
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	50.760.562.376	49.104.279.470	3.109.693.803	442.871.369	609.470.036			104.026.877.054
Giá trị hao mòn								
Số đầu năm	59.947.331.028	74.010.526.713	4.220.219.028	266.776.330	609.470.036			139.054.323.135
- <i>Tăng do trích khấu hao trong kỳ</i>	1.922.847.507	4.121.030.120	322.637.880	5.095.039	0			6.371.610.546
- <i>Tăng do điều chỉnh phân loại</i>								0
Giảm trong kỳ	(511.995.695)	0	0	0	0			(511.995.695)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC								
- Thanh lý, nhượng bán	(511.995.695)							(511.995.695)
Số cuối kỳ	61.358.182.840	78.131.556.833	4.542.856.908	271.871.369	609.470.036			(511.995.695)
Giá trị còn lại								144.913.937.986
Số đầu năm	10.932.900.173	24.618.247.799	2.465.674.776	5.095.039	-			38.021.917.787
Số cuối kỳ	12.189.471.314	20.802.775.679	2.143.036.896	-	-			35.135.283.889

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 06 tháng niên độ 2022-2023 (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.411.653.220	3.293.917.548	3.179.418.648	0	3.526.152.120
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	2.919.153.220	114.498.900	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quán	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Kho TP dây chuyền I - NM sản Văn Yên	0	3.179.418.648	3.179.418.648	0	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	5.351.383.572	0	3.559.339.104	1.792.044.468
- Nhà máy giấy Yên Bình	0	1.326.983.175	0	1.091.202.016	235.781.159
- Nhà máy giấy Văn Chấn	0	535.150.577	0	289.898.000	245.252.577
- Nhà máy giấy Minh Quán	0	980.358.950	0	896.144.722	84.214.228
- Nhà máy giấy Yên Hợp	0	1.282.094.366	0	1.282.094.366	0
- Bảo quản tinh bột sản - Nhà máy sản Văn Yên	0	772.586.726	0	0	772.586.726
- Ủ phân vi sinh - Nhà máy sản Văn Yên	0	286.202.778	0	0	286.202.778
- Cài tạo hệ thống thu bụi dây chuyền I-NM sản Văn Yên	0	102.405.551	0	0	102.405.551
- Vật tư.Sửa chữa, bao đường - NM sản Văn Yên	0	65.601.449	0	0	65.601.449
Cộng	3.411.653.220	8.645.301.120	3.179.418.648	3.559.339.104	5.318.196.588

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	508.200.000	976.866.000
Công ty cổ phần Đông á	968.007.480	665.258.832
Công ty TNHH TM Phúc Hưng	559.282.020	970.249.536
Công ty TNHH TM Hải Ngọc	449.850.000	515.862.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	510.602.400	935.615.124
Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân	2.466.064.500	395.340.600
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	588.666.042	474.603.487
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Thịnh Hà Giang	145.650.000	0
Công ty cổ phần Thăng Huy	150.178.000	247.490.815
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	327.933.804	342.597.200
Công ty TNHH cơ khí và thương mại Phú Nam	313.858.600	0
Nguyễn Thị Kim Oanh	194.706.520	18.832.800
HTX Lâm Phương Linh	160.534.110	0
Nguyễn Duyên Thành	254.967.400	0
Trần Văn Thảo	315.721.980	0
Nguyễn Thị Quỳnh	415.800.340	0
Đặng Thiết Hùng	133.889.900	0
Trần Văn Chí	473.619.860	0
Vũ Thị Hằng	336.491.500	0
Lâm Văn Khương	112.975.400	0
Các nhà cung cấp khác	1.335.521.317	1.284.396.282
Cộng	10.722.521.173	6.827.112.676

15. Người mua trả tiền trước ngắn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng	2.313.550.000	358.581.600
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Vĩnh Thuận	10.570.225.000	0
Công ty TNHH Thương Mại Hải Ngọc	3.731.000.000	
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Dũng Thành Phát		215.505.224
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát		14.559.596
Công Ty TNHH DV và Đầu Tư Thương Mại Bảo Phương		43.748.974
Các khách hàng khác	287.112.409	52.449.407
Cộng	16.901.887.409	684.844.801

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.532.007.618		2.725.199.965	8.482.670.938	774.536.645	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		86.043.606	86.043.606	0	
Thuế nhập khẩu	0		0	0	0	
Thuế TNDN	5.819.666.142		8.836.157.766	9.822.007.993	4.833.815.915	
Thuế TNCN	0	92.663.877	1.080.065.877	1.574.569.983		587.167.983
Thuế tài nguyên	12.040.380		150.885.720	145.824.120	17.101.980	
Cộng	12.363.714.140	92.663.877	12.878.352.934	20.111.116.640	5.625.454.540	587.167.983

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	74.941.702	358.429.225
Chi phí tiền điện (các NM)	630.112.597	274.668.137
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	539.045.968	-
Chi phí bảo quản sản phẩm tinh bột sắn	925.041.000	0
Chi phí xử lý MT sản (Duy trì hồ Biogas)	701.520.260	0
Chi phí nhân giống, ủ phân	303.126.100	0
Chi phí quản lý vùng nguyên liệu sắn	373.123.216	0
Chi phí hệ thống thu bụi	102.405.551	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	296.816.031	55.000.000
Cộng	3.946.132.425	688.097.362

18. Phải trả ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	161.467.284	135.849.686
Bảo hiểm xã hội	740.731.350	726.111.675
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.154.750.000	4.943.200.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Ngọc	1.817.500.000	2.675.500.000
Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng	500.000.000	1.765.800.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Quốc tế TPP		501.900.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	1.000.000.000	0
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Thịnh Hà Giang	837.250.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	321.260.132	342.716.121
Cộng	5.378.208.766	6.147.877.482

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YF	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái		0	0	0
	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự phòng chi phí tiền sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất	0	10.000.000
Tiền lương bổ sung	7.206.500.000	5.973.221.494
Sửa chữa MMTB dây chuyền bã sắn	1.500.000.000	
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Bình	501.123.564	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Văn Chấn	468.839.683	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Minh Quân	110.341.500	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Hợp	197.234.557	0
Sửa chữa lớn MMTB Nhà máy sắn Văn Yên	1.509.871.811	0
Cộng	11.493.911.115	5.983.221.494

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	843.792.934	5.302.520.331	2.101.285.552	4.045.027.713
Quỹ phúc lợi	474.914.448	2.121.008.133	507.914.448	2.088.008.133
	1.318.707.382	7.423.528.464	2.609.200.000	6.133.035.846

22. Phải trả người bán dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				106.050.406.628	106.050.406.628
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	26.179.450.000			(26.179.450.000)	0
Chi cô tức trong năm				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Thường Ban lãnh đạo				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
Số dư cuối năm trước	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832
Số dư đầu năm nay	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832
Lợi nhuận trong kỳ				55.336.207.856	55.336.207.856
Trích lập các quỹ trong kỳ			31.815.121.988	(39.238.650.452)	(7.423.528.464)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận					0
Chi cô tức trong năm					0
Thường Ban lãnh đạo				(3.181.500.000)	(3.181.500.000)
Số dư cuối năm nay	78.539.680.000	323.060.671	41.002.773.233	119.059.916.320	238.925.430.224

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	78.539.680.000	78.539.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
	78.862.740.671	78.862.740.671

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	7.853.968	7.853.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.853.968	7.853.968
+ Cổ phiếu phổ thông	7.853.968	7.853.968
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.853.968	7.853.968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000

đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	7.046	13.501

e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	41.002.773.233	9.187.651.245

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	5.629.394.875	3.847.514.516
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	267.060,61	1.037.283,76

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
hóa	343.673.480.932	264.020.683.592
Trong đó: Doanh thu nội địa	131.832.478.926	126.705.859.738
DT xuất khẩu trực tiếp	211.841.002.006	137.314.823.854
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	42.757.049.424	61.807.222.968
Tương đương Tiền USD	1.833.885,89	2.722.785,15
- DT Sản phẩm Giấy dẻ XK	17.235.507.582	15.785.183.886
Tương đương Tiền USD	739.245,45	695.382,55
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	151.848.445.000	59.722.417.000
Quy ra USD	6.512.907,78	2.630.943,48
Tổng cộng USD:	9.086.039,12	6.049.111,18
Các khoản giảm trừ doanh thu	526.214.700	0
Doanh thu thuần	343.147.266.232	264.020.683.592

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	526.214.700	0



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	247.309.780.040	195.729.935.438
	247.309.780.040	195.729.935.438
4. Doanh thu hoạt động tài	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.962.881.989	599.459.664
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	380.123.124	654.020.914
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	0	0
- Doanh thu hoạt động tài chính	90.963.152	148.952.882
Cộng	2.433.968.265	1.402.433.460
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	0	468.506.422
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	61.867.643	161.899.687
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	352.025.618	4.758.565
- Chi phí tài chính khác	98.627.408	
	512.520.669	635.164.674
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Lãi bán phế liệu	0	54.900.000
	0	54.900.000
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	49.500.000	472.684.011
- Chi phí khác	658.626	0
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	62.405.494
	50.158.626	535.089.505
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	8.907.411.638	8.382.736.593
Chi phí vật liệu quản lý	188.922.561	124.695.346
Chi phí đồ dùng văn phòng	437.639.819	303.861.238
Chi phí khấu hao TSCĐ	287.315.986	452.553.627
Thuế, phí và lệ phí	999.324.414	677.250.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.914.368	536.849.296
Chi phí bằng tiền khác	2.897.516.554	1.848.929.075
Cộng	14.188.045.340	12.326.875.646

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	8.000.000	19.350.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.248.911.200	8.505.545.451
- Chi phí khác	91.453.000	1.143.959.568
Cộng	19.348.364.200	9.668.855.019

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	Năm nay	Năm trước
	8.836.157.766	9.102.665.185
	8.836.157.766	9.102.665.185

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)				Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Cộng
	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy đá	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.432.236.142	-	42.757.049.424	222.640.467.184	-	-	843.728.182	-	-	343.673.480.932
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	12.548.616.228	28.743.411.128	14.308.459.574	95.097.360.907	-	-	(150.697.847.837)	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.548.616.228	106.175.647.270	57.065.508.998	317.737.828.091	-	-	843.728.182	(150.697.847.837)	-	343.673.480.932
Chi phí bộ phận	-	59.109.260.572	37.915.890.748	182.977.310.078	-	-	-	-	-	280.002.461.398
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	18.322.975.570	4.841.158.676	39.663.157.106	-	-	-	-	-	62.827.291.352
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	(526.214.700)	-	-	-	-	-	-	-	(526.214.700)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.433.968.265
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(512.520.669)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(50.158.626)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.836.157.766)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55.336.207.856

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Tinh dầu quế					Tinh bột sắn					Cộng				
Số cuối năm	Tài sản trực tiếp của bộ phận	Tài sản phân bổ cho bộ phận	Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	Tổng tài sản	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng	Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	Tổng nợ phải trả	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng		
	180.659.081.338	(33.340.524.718)	-	147.318.556.620	17.007.470.133	1.985.649.395	111.509.748.976	30.730.437	311.192.680.279					6.052.335.411	913.065.700	26.334.322.658	40.800.949	-		
					23.059.805.544	2.898.715.095	137.844.071.634	71.531.386	311.192.680.279											
	(61.362.404.920)	-	-		21.448.908.701	1.746.120.482	110.403.895.355	30.730.437	72.267.250.055					-	-	-	-	-		
					21.448.908.701	1.746.120.482	110.403.895.355	30.730.437	72.267.250.055											
	215.137.092.379	(36.320.583.987)	-		10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	233.020.523.972											
					7.737.744.078	1.045.554.634	27.437.383.078	99.902.197	-											
					18.028.954.134	2.902.299.561	33.142.129.251	130.632.634	233.020.523.972											
	20.942.841.547	-	-		10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.826.273.140											
					-	-	-	-	-											
					-	-	-	-	-											
					10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.826.273.140											
	20.942.841.547	-	-		10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.826.273.140											

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	131.832.478.926	126.705.859.738
Khu vực xuất khẩu	211.841.002.006	137.314.823.854
Cộng	<u>343.673.480.932</u>	<u>264.020.683.592</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(12.130.277.768)	(1.135.220.000)
Cộng	<u>(12.130.277.768)</u>	<u>(1.135.220.000)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 17 tháng 04 năm 2023

Giám đốc
Lê Long Giang

